

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày 31/12/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH P**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán*: Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Việt Giang.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Ngọc Tâm và ông Nguyễn Tiến Dũng.
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh P tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2019/ TLST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02B/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện L, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Ông: Nguyễn Đức H - Luật sư - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu T, phường T, thành phố V, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc K, sinh năm 1976.

và chị Hà Thị Hồng L, sinh năm 1986.

Đều địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện L, tỉnh P.

(Chị Lưu ủy quyền cho anh Trần Ngọc K, anh K đề nghị xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Thạch Q, sinh năm 1962. (Anh Q đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện L, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 28/4/2017 vợ chồng chị Hà Thị Hồng L và anh Trần Ngọc K có vay của chị H số tiền 75.000.000đ. Khi vay tiền vợ chồng chị Hà Thị Hồng L và anh Trần Ngọc K có viết giấy nhận tiền và cam kết, Anh K và chị L có ký nhận vào giấy nhận tiền và cam kết do chị L viết. Khi vay hai bên thống nhất thỏa thuận lãi suất miệng theo lãi suất của ngân hàng là 0,83%/01 tháng. Từ ngày vay đến ngày 08/6/2019 anh K và chị L đã trả cho chị được 5.000.000đ trừ vào số tiền gốc. Từ ngày vay là ngày 28/4/2017 đến nay anh K và chị L chưa trả cho chị H số tiền lãi nào theo thỏa thuận. Tại đơn khởi kiện và lời khai chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện L buộc vợ chồng anh K và chị L trả cho chị toàn bộ số tiền gốc là 75.000.000đ và tiền lãi theo qui định là 0,83%/tháng tính từ ngày vay đến nay. Nhưng tại biên bản lấy lời khai bổ sung chị H yêu cầu anh K và chị L trả cho chị toàn bộ số tiền gốc là 70.000.000đ và tiền lãi theo qui định là 0,83%/tháng tính từ ngày vay đến nay.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị H: Ông Nguyễn Đức H trình bày:

Ông giữ nguyên quan điểm như chị H đã trình bày tại Tòa án. Ông H đề nghị Tòa án nhân dân huyện L buộc vợ chồng anh K và chị L trả cho chị H toàn bộ số tiền gốc là 70.000.000đ và tiền lãi đối với số tiền 75.000.000đ từ ngày vay đến ngày 08/6/2019, tiền lãi đối với số tiền 70.000.000đ từ ngày 08/6/2019 đến nay theo qui định là 0,83%/tháng.

Ý kiến của bị đơn:

Tại bản tự khai chị Hà Thị Hồng L trình bày:

Do quen biết với chị H nên ngày 28/4/2017 chị có vay của chị H số tiền là 75.000.000đ. (Lần 1 vay số tiền là 63.000.000đ và lần 2 vay là 12.000.000đ). Khi đến vay tiền chị H hướng dẫn chị L viết giấy vay tiền xong sau một thời gian chị H gọi chị L ra hướng dẫn viết lại giấy nhận tiền và cam kết có nội dung xin việc cho cháu bà H là Trần Thạch K, ở khu 1 xã T, huyện L, tỉnh P. Sau 1 thời gian nữa chị H lại gọi chị ra viết lại giấy cam kết và nhận tiền và ngày trả tiền, nhưng lần 3 chị ra viết là có cả hai vợ chồng và em dâu chị. Mỗi lần vay tiền chị và chị H thỏa thuận với nhau lãi suất là 2.000đ/01 triệu/ 01 ngày. Tổng số tiền chị vay của chị H là 75.000.000đ và hàng tháng

trả tiền lãi cho chị H là 4.500.000đ. Chị đã trả lãi cho chị H đến tháng 8/2018 và những lần trả lãi thì chị H chỉ ghi vào sổ tay của chị H. Ngày 08/6/2019 chị L đã trả cho chị H 5.000.000đ tiền gốc nhưng chị H không viết giấy tờ gì. Nay chị H khởi kiện đòi chị số tiền gốc là 75.000.000đ chị chỉ đồng ý trả dần số tiền gốc còn lại là 70.000.000đ.

Tại bản tự khai anh Trần Ngọc K là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị L trình bày:

Ngày 28/4/2017 vợ chồng anh có vay của chị Nguyễn Thị H, địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện L, tỉnh P. Khi vay tiền thì vợ anh K có viết giấy nhận tiền và cam kết. Giấy nhận tiền và cam kết ngày 28/4/2017 là do chị H đọc cho vợ anh viết, nhưng thực tế thì vợ chồng anh K và chị L không nhận xin việc cho cháu bà H là anh Trần Thạch K, sinh ngày 10/10/1993 ở khu 1 xã T, huyện L, tỉnh P. Vợ chồng anh chị chỉ vay tiền của chị H. Khi vay hai bên thống nhất thỏa thuận lãi suất miệng mỗi tháng là 4.500.000đ đối với số tiền trên. Hàng tháng vợ chồng anh trả lãi đầy đủ đến tháng 4/2018. Khi trả lãi thì vợ chồng anh và chị H không viết giấy tờ gì. Đến ngày 08/6/2019 vợ anh đã trả cho chị H thêm 5.000.000đ tiền gốc. Nay chị H khởi kiện vợ chồng anh đòi số tiền gốc là 75.000.000đ và tiền lãi theo qui định là 0,83%/tháng thì anh K chỉ nhất trí trả số tiền gốc là 70.000.000đ. Đối với số tiền lãi thì anh đề nghị chị H cho vợ chồng anh xin vì hiện nay vợ chồng anh rất khó khăn. Nếu chị H không đồng ý thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tại biên bản lời khai anh Trần Thạch Q trình bày:

Việc vợ chồng anh K và chị L có nhận 75.000.000đ từ chị H trong giấy biên nhận tiền và cam kết viết tay đề ngày 28/4/2017 và giấy cam kết viết tay không ghi ngày là nhận tiền của chị H, anh không biết việc giao nhận này. Anh Q xác định số tiền 75.000.000đ là tài sản riêng của chị H. Chị H cho vợ chồng anh K chị L vay nợ, anh không liên quan gì đến số tiền này nên anh không có đề nghị gì. Tại đơn đề nghị ngày 13/11/2017 anh Q xác định tiền tạm ứng án phí đã nộp là tiền riêng của chị H nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L không liên quan đến anh, nếu trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp thì anh đề nghị trả lại cho chị H. Anh đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc anh Trần Ngọc K và chị Hà Thị Hồng L phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi theo qui định của pháp luật.

Về án phí: Anh K và chị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu anh Trần Ngọc K và chị Hà Thị Hồng L, đều có HKTT tại Khu 4, xã T, huyện L, tỉnh P trả số tiền gốc và lãi theo "giấy biên nhận và cam kết" ngày 28/4/2017. Do đó xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn, anh Trần Ngọc K và chị Hà Thị Hồng L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh K và chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H thấy rằng:

Về hợp đồng vay nợ: Theo nội dung giấy nhận tiền và cam kết hai bên đã lập thì anh Trần Ngọc K và chị Hà Thị Hồng L có thực hiện giao dịch vay tiền vào ngày 28/4/2017 thể hiện tại "Giấy nhận tiền và cam kết" và "Giấy cam kết" bản gốc mà chị Nguyễn Thị H đã cung cấp cho Tòa án. Nội dung "giấy nhận tiền và cam kết" là do chị H đọc cho chị L viết có nội dung " Hôm nay ngày 28/4/2017 vợ chồng tôi có nhận của bà H Q khu 6 - T - L - P số tiền là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng). Để xin việc cho cháu ông bà Q H tên là Trần Thạch K, SN 10/10/1983 khu 1 - T- L- P để xin việc vào làm tại công ty supe và hóa chất L". Chị H với anh K chị L đều khẳng định không có việc nhận tiền để xin việc cho cháu của chị H là Trần Thạch K. Anh K chị L thừa nhận có vay của chị H số tiền 75.000.000đ nhưng khi vay chị H đọc cho chị L viết như vậy và chị H cũng thừa nhận chị bảo chị L viết nội dung như vậy để anh K chị L có trách nhiệm trả tiền cho chị H. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q khẳng định việc vay nợ giữa chị H với anh K chị L anh không biết và không liên quan gì đến việc vay nợ này. Đối với số tiền 75.000.000đ chị H cho anh K chị L vay là tiền riêng của chị H, nay chị H yêu cầu anh K chị L phải trả cho chị số tiền gốc là 75.000.000đ thì anh Q xác định anh không liên quan nên anh không có đề nghị gì. Anh K chị L cũng đều thừa nhận ngày 28/4/2017 có vay của chị H số tiền 75.000.000đ và việc vay nợ không liên quan đến anh Q. Xét ý kiến

của anh Trần Ngọc K và chị Hà Thị Hồng L trình bày ngày 08/6/2019 anh chị đã trả cho chị H số tiền 5.000.000đ nhưng khi trả không viết giấy tờ gì, tại lời khai chị H cũng xác nhận anh K và chị L ngày 08/6/2019 đã trả cho chị H số tiền 5.000.000đ trừ vào số tiền gốc. Nay chị H yêu cầu anh K và chị L phải trả cho chị số tiền gốc còn nợ là 70.000.000đ. Anh K và chị L đều xác định còn nợ chị H số tiền gốc là 70.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy sự thừa nhận của các đương sự là phù hợp với Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và buộc K chị L phải trả cho chị H số tiền gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) là phù hợp.

Về lãi suất: Chị Nguyễn Thị H xác định từ ngày vay đến nay chị L anh K không trả lãi cho chị H theo thỏa thuận là 0,83%/ tháng. Nay chị H và người đại diện theo ủy quyền của chị H yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) từ ngày 28/4/2017 đến ngày trả số tiền 5.000.000đ là ngày 08/6/2019 và yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) từ ngày 08/6/2019 đến nay theo qui định là 0,83%/ tháng. Bị đơn chị L và anh K đề nghị không tính lãi đối với số tiền trên vì anh chị đã trả tiền lãi từ ngày vay đến tháng 8/2018 theo thỏa thuận là 4.500.000đ/ 01tháng, và mỗi lần trả lãi thì chị H chỉ ghi vào sổ tay của chị H nên chị không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc đã trả lãi hàng tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại các bản tự khai các bên đều thừa nhận có thỏa thuận lãi suất bằng miệng không ghi vào giấy nhận tiền và cam kết, như vậy việc vay nợ giữa chị H và anh K chị L có thỏa thuận về lãi suất nhưng các bên không thống nhất được lãi suất đã thỏa thuận. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi của chị H 0,83%/ tháng là phù hợp với qui định của pháp luật, nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về thời điểm tính lãi đối với số tiền 75.000.000đ từ ngày 28/4/2017 đến ngày 08/6/2019 là 25 tháng 10 ngày. Cụ thể: $(75.000.000đ \times 0,83\%) \times 25 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 15.770.000đ$ (Mười lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). Thời điểm tính lãi đối với số tiền 70.000.000đ từ ngày 08/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/12/2019. Cụ thể: $(70.000.000đ \times 0,83\%) \times 06 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 3.931.433đ$ (Ba triệu chín trăm ba mươi một nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng). Tổng số tiền lãi là: $15.770.000đ + 3.931.433đ = 19.701.433đ$ (Mười chín triệu bảy trăm linh một nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng).

Về thời hạn và phương thức thanh toán: Chị Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của chị H yêu cầu anh K và chị L phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi làm một lần. Chị L và anh K đề nghị được trả dần số tiền gốc nhưng chị H không đồng ý. Hội đồng xét xử xét cần buộc anh K và chị L phải trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho chị H là phù hợp.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Ngọc K và chị Hà Thị Hồng L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc anh Trần Ngọc K và chị Hà Thị Hồng L phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 19.701.433đ (Mười chín triệu bảy trăm linh một nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng). Tổng số tiền gốc và lãi là: 89.701.433đ (Tám mươi chín triệu bảy trăm linh một nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng). Trả làm một lần kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc anh Trần Ngọc K và chị Hà Thị Hồng L phải nộp số tiền 4.485.000đ (Bốn triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 2.450.000đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000406 ngày 17/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh P.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS Lâm Thao
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Việt Giang